TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 88 /2017/QĐST-HNGĐ

Bỉm sơn, ngày 05 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số: 127 /2017/ TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2017 về việc xin : " Ly hôn " giữa:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị S sinh năm 1956
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L sinh năm 1951

Các đương sự đều trú tại: Tổ X, thôn C , phường L , thị xã B , tỉnh T.

- Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điều 212 và 213; khoản 3 điều 144; khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

-Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326 /UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội; mục 1.1 (phần án phí Dân sự)danh mục về án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2017.

-Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị S sinh năm 1956

Và Bị đơn: anh Nguyễn Văn L sinh năm 1951

Các đương sự đều trú tại: Tổ X, thôn C , phường L , thị xã B , tỉnh T.

2.Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị S và anh Nguyễn Văn L .

- Phần con cái: Vợ chồng có 04 con chung cháu đầu tên là: Nguyễn Văn T (nam) sinh năm 1978. Cháu thứ hai là: Nguyễn Văn V (nam) sinh năm 1980, cháu thứ 3 là Nguyễn Thị L (nữ) sinh năm 1982; cháu thứ 4 là Nguyễn Văn T (nam) sinh năm 1984 . Các con chung của chị S và anh L đã đến tuổi thành niên nên Tòa án không giải quyết.

-**Về tài sản**: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Án phí DSST chị Trịnh Thị S phải nộp 75.000đ; anh Nguyễn Văn L phải nộp: 75.000đ. Hai bên thỏa thuận chuyển tiền tạm ứng án phí chị Trịnh Thị S đã nộp tại chi cục Thi hành án Dân sự B 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0004237 ngày 07 tháng 8 năm 2017 của chi cục Thi hành án dân sự B sang phần án phí mà hai người phải nộp.

-Chị Trịnh Thị S được nhận lại số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) tại chi cục Thi hành án dân sự B sau khi đã đối trừ khoản tiền án phí dân sự mà hai người phải nộp.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
-VKS
-các đương sự
-chi cục THS dân sự
-Lưu hồ sơn vụ án

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN
THẨM PHÁN

TẠ THỊ HƯƠNG

TOÀ ÁN NHÂN DÂN……[(1)]	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:……/……/QĐST-HNGĐ	_____

…., ngày…… tháng …… năm ……

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số...../...../TLST/HNGĐ ngày.....tháng....năm....., giữa[(2)]:

.....
.....
.....

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55,..... của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày…..tháng……năm …..

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày…. tháng..... năm ..... là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa [(3)] .....

.....

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:[(4)] .....

.....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA

Số:106./2017./QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bỉm sơn, ngày..21 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 168 / 2017/TLST/HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 giữa những người yêu cầu:

1. Anh Mai Thế Duyên sinh năm 1982

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Đội 5, xã Nga Nhân, huyện Nga sơn, tỉnh Thanh hóa.

2. Chị Nguyễn Thị Vân Anh sinh năm 1983

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Khu phố 3, phường Đông sơn , thị xã Bỉm sơn, tỉnh Thanh hóa.

Căn cứ vào khoản 2 điều 29; điều 361; khoản 4 điều 397; Điều 212 và Điều 213 khoản 3 điều 144; khoản 2 điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57;58;81;82;83;84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 13 .tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 13 tháng 11 năm

2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa : Anh Mai Thế Duyên và chị Nguyễn Thị Vân Anh.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về phần con cái: Vợ chồng có 2 con chung cháu đầu tên là: Mai Thế Cường (nam) sinh ngày 19/11/2008;cháu thứ hai tên là: Mai Thế Dũng (nam) sinh ngày 06/01/2017 hai bên thống nhất giao cả hai cháu cho chị Nguyễn Thị Vân Anh trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Mai Thế Duyên đóng góp nuôi hai cháu Mai Thế Cường và Mai Thế Dũng là 3.000.000đ (ba triệu đồng) / tháng. Khoản đóng góp tính từ ngày 01/11/2017 cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên.

Về tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Lệ phí giải quyết việc Dân sự : Lệ phí giải quyết việc dân sự anh Mai Thế Duyên và chị Nguyễn Thị Vân Anh mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ chị Nguyễn thị Vân anh đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0000501 ngày 01 tháng 11 năm 2017 của chi cục thi hành án Dân sự Bỉm sơn. Như vậy, anh Mai Thế Duyên và chị Nguyễn thị Vân Anh đã thi hành xong khoản lệ phín giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường Đông sơn
-Chi cục thi hành án Dân sự Bỉm sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
XÃ BỈM SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM THỊ
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

TỈNH THANH HÓA

Số: /2017/QĐST-VDS *BỈm sơn, ngày 11 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán chủ trì phiên họp: Bà **Tạ Thị Hương**

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Bà **Lại Thị Diệu Thúy**

Đại diện VKS ND thị xã Bỉm sơn: Bà **Nguyễn Thị Ái Liên** – kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 12 năm 2017, tại phòng họp Tòa án nhân dân thị xã Bỉm sơn tỉnh Thanh hóa đã tiên hành phiên họp giải quyết việc Dân sự thụ lý số 39/TLST- DS ngày 15 tháng 11 năm 2017 về việc : " ***Yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú***" theo đơn yêu cầu của anh Trịnh Văn Lợi sinh năm 1972

Trú tại : Khu phố 2, phường Phú sơn , thị xã Bỉm sơn , tỉnh Thanh hóa. (có mặt)

Người bị yêu cầu tìm kiếm: Chị Nguyễn Thị Nụ sinh năm 1971

Nơi cư trú cuối cùng: Khu phố 2, phường Phú sơn , thị xã Bỉm sơn , tỉnh Thanh hóa.

NHẬN THẤY

Tại đơn yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và bản tự khai ngày 25 tháng 11 năm 2017 của anh Trịnh Văn Lợi trình bày:

Anh Lợi và chị Nụ kết hôn với nhau trên có sở tự nguyện, tổ chức đám cưới vào năm 1991, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hà Thanh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh hóa. Quá trình chung sống nguyên nhân do hai người không có con chung nên phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và chị Nụ đã bỏ nhà ra đi từ năm 1998 đến nay anh không biết chị Nụ ở đâu. Anh đã về quê chị Nụ để đi tìm nhưng không có kết quả, không có ai biết chị Nụ sống ở đâu. Cho đến nay anh cũng không có tin tức gì về chị Nụ vì vậy để ổn định cuộc sống và yên tâm

công tác anh Lợi đề nghị Tòa án ra thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị Nguyễn Thị Nụ.

Sau khi nghe người yêu cầu anh Trịnh Văn Lợi trình bày tại phiên họp. Sau khi nghe ý kiến của kiểm sát viên và xem xét các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ việc Dân sự.

XÉT THẤY

Anh Trịnh Văn Lợi và chị Nguyễn Thị Nụ kết hôn với nhau trên cơ sở hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hà Thanh , huyện Hà Trung , thị xã Bỉm sơn vào năm 1991. Quá trình chung sống do hai người không có con chung nên phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Cho đến năm 1998 thì chị Nụ bỏ đi không ai biết chị ở đâu làm gì. Anh Lợi đã về quê chị để tìm nhưng cũng không ai biết. Chính quyền dịa phương hai nơi là UBND phường Phú sơn là nơi cư trú cuối cùng của chị Nụ và UBND xã Hà Thanh là quê của chị Nụ cùng với hàng xóm nơi cư trú đã xác nhận sự việc chị Nụ đã bỏ đi hiện không có mặt tại địa phương. Nay anh Lợi có đơn đề nghị Tòa án ra thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị Nguyễn Thị Nụ là phù hợp với quy định của pháp luật và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bỉm sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm sơn phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ việc Dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh Trịnh Văn Lợi đối với chị Nguyễn Thị Nụ sinh năm 1971 bỏ nhà đi từ năm 1998 nơi cư trú cuối cùng: khu phố 2, phường Phú sơn , thị xã Bỉm sơn , tỉnh Thanh hóa.

Căn cứ vào điều 74 BLDS, khoản 2 điều 26; điều 128; điều 311; 313; 314;315;316;317;325326;327 ;328 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự. Khoản 1 điều 4 điều 5,khoản 3 điều 18; điều 19 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1.Chấp nhận yêu cầu của anh Trịnh Văn Lợi về việc ra thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cú trú đối với chị Nguyễn Thị Nụ sinh năm 1971

Nơi cư trú cuối cùng: Khu phố 2, phường Phú sơn, thị xã Bỉm sơn , tỉnh Thanh hóa.

2. Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú sẽ được tiến hành theo quy định của pháp luật.

3. Về lệ phí: Anh Phạm văn Lợi phải nộp 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 200.000đ anh Lợi đã nộp theo biên lai thu số 0000505 ngày 14 tháng 11 năm 2017 của chi cục thi hành án Dân sự Bỉm sơn.

4. Quyết định này có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

-VKS

- ĐS

-TA Tỉnh TH

-Lưu hồ sơn

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN

Thẩm phán

TẠ THỊ HƯƠNG

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).